

Bản án số: 15/2022/HSST

Ngày: 30-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Tinh-Cán bộ hưu trí.

Bà Trần Thị Bích Vân-Phó Giám đốc Trung tâm văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bình An-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/HSST-QĐ ngày 14/12/2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/3/1996 tại Y-Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1965 và bà Đào Thị S, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 02 tiền án. Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến ngày 28/8/2022, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 28/8/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Thái H, sinh ngày 23/8/2004. Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh ngày 20/8/1992. Nơi cư trú: Tổ 2, phường A1, thị xã A2, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn N1, sinh ngày 23/6/1998. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Đào Thị S, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Anh Trần Minh X1, sinh ngày 05/11/1992. Nơi cư trú: Tổ 6, phường K, thị xã A2, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn U, sinh ngày 20/02/1989. Nơi cư trú: Thôn L1, xã E, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn O, sinh ngày 17/7/1990. Nơi cư trú: Thôn C1, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 23/8/2022 Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81N1-6905 đi từ nhà thuộc thôn A, xã C, huyện Đ đến nhà anh Tống Phi D2 trú tại thôn H2, xã E, huyện Đ để thăm chơi. Đến 22 giờ cùng ngày thì T đi về, khi điều khiển xe mô tô đến đường bê tông liên xã, hướng ngã ba Đ2 đi thôn B2, xã E, huyện Đ phát hiện nhà anh Nguyễn Thái H trú tại thôn D, xã E, huyện Đ đang mở cửa, không có người trong nhà nên T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. T dựng xe mô tô ngoài đường cách cổng nhà anh H khoảng 5m rồi đi bộ vào trong nhà, khi đi đến cửa phòng ngủ của anh H, T nhìn thấy trên thiết bị CPU của dàn máy vi tính trong phòng ngủ có 02 (hai) chiếc điện thoại di động gồm 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh đen và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4, màu vàng, bị vỡ màn hình cảm ứng. T lấy hai chiếc điện thoại di động cất giấu trong túi quần rồi đi ra khỏi nhà. T đi tới cửa thì gặp anh Nguyễn Thái H đi chơi về, anh H hỏi T “*có việc gì vậy chú*” T không trả lời mà đi ra đường điều khiển xe mô tô về nhà để ngủ.

Đến khoảng 08 giờ ngày 24/8/2022, Phạm Văn T đem chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4, màu vàng, bị vỡ màn hình cảm ứng đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại di động của anh Nguyễn Văn O trú thôn H3, xã E, huyện Đ để sửa màn hình, anh O nói để kiểm tra và hẹn T chiều đến để báo giá, sau đó T đi về. Khoảng 11 giờ cùng ngày T đem chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh đen đến cửa hàng điện thoại di động M3 thuộc tổ 3, phường K2, thị xã A2 cầm cố cho chị Nguyễn Thị Hồng S trú tại tổ 2, phường A1, thị xã A2 được số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Đến 16 giờ cùng ngày T đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn O, anh O báo giá sửa điện thoại là 600.000 đồng, T nghe thấy giá sửa màn hình cao nên đã bán cho anh O chiếc điện thoại với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Sau khi cầm cố và bán điện thoại trộm cắp được số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng), T trả nợ cho anh Trần Minh X1 trú tại thôn A, xã C, huyện Đ số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) và trả nợ cho anh Phạm Văn U trú tại thôn L1, xã E, huyện Đ số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), còn lại 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) T tiêu xài cá nhân.

Đối với anh Nguyễn Thái H, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản là 02 chiếc điện thoại di động, anh H đi tìm nhưng không thấy, đến ngày 25/8/2022 đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ yêu cầu điều tra làm rõ, xử lý theo quy định.

Đối với Phạm Văn T, sau khi nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nên lúc 11 giờ 30 phút ngày 25/8/2022 Phạm Văn T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 16/KL-ĐGTS ngày 26/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh đen, số IMEI 1: 866314051851879, số IMEI 2: 866314051851861, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 23/8/2022 có giá trị là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4, màu vàng, số IMEI 1: 358131095443835, số IMEI 2: 358132095443833, bị vỡ màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 23/8/2022 có giá trị là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản Phạm Văn T chiếm đoạt của anh Nguyễn Thái H là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ và xử lý như sau:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh đen, số IMEI 1: 866314051851879, số IMEI 2: 866314051851861, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4, màu vàng, số IMEI 1: 358131095443835, số IMEI 2: 358132095443833, bị vỡ màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Thái H.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YaMaHa, loại xe sirius, màu trắng, biển kiểm soát 81N1-6905, số khung 309Y260808, số máy 5C63260814, đã qua sử dụng, trả lại cho chủ sở hữu anh Phạm Văn N1.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản là 02 (hai) chiếc điện thoại di động bị mất, bị hại anh Nguyễn Thái H không yêu cầu Phạm Văn T bồi thường. Phạm Văn T đã tác động bà Đào Thị S (mẹ ruột T) bồi thường cho anh Nguyễn Văn O số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng S số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), như vậy vấn đề dân sự trong vụ án đã giải quyết xong.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 31/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị can Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 (hai) năm

đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Về trách nhiệm dân sự trong vụ án đã giải quyết xong nên không đề cập giải quyết. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn nêu các ý kiến về xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt và đơn xin xét xử vắng mặt không có ý kiến về phần bồi thường dân sự, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai công bố bản Cáo trạng, bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở pháp lý để xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 23/8/2022, tại thôn D, xã E, huyện Đ, bị cáo Phạm Văn T có hành vi lén lút đột nhập vào nhà anh Nguyễn Thái H chiếm đoạt 02 (hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S màu xanh đen và SAMSUNG J4 màu vàng, đã qua sử dụng, tổng giá trị tài sản là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng). Hành vi đó của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn T có 02 tiền án, đã tái phạm về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, đây là tình tiết tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên đã trực tiếp đi tìm sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản gây hậu quả xấu làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội và mức độ lỗi để thể hiện được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm răn đe nâng cao ý thức tuân thủ chấp hành pháp luật cho mọi người dân.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm rơi vào tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T có 02 (hai) tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù giam theo Bản án số 28/2019/HS-ST ngày 28/02/2019 và bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù giam theo Bản án số 14/2021/HS-ST ngày 10/8/2021, bị cáo chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt về địa phương, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với lỗi cố ý. Lẽ ra bị cáo phải xem những lần phạm tội trước làm bài học cho bản thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xử bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình cần lưu ý xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cụ thể: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, không ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế của gia đình bị hại, đây là 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, đây là 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác áp dụng cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn O là người mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4 và chị Nguyễn Thị Hồng S là người cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S của bị cáo trộm cắp được mà có. Khi anh O và chị S nhận mua và cầm cố điện thoại di động do bị cáo đưa, bị cáo không nói nguồn gốc chiếc điện thoại, do đó, anh O và chị S không biết 02 (hai) chiếc điện thoại di động trên do bị cáo phạm tội mà có. Trường hợp anh Trần Minh X1 người nhận số tiền trả nợ 1.300.000

đồng của bị cáo và anh Phạm Văn U người nhận số tiền trả nợ 200.000 đồng của bị cáo, đây là giao dịch dân sự, anh X1 và anh U không biết nguồn gốc số tiền do bị cáo bán và cầm cố tài sản phạm tội mà có. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý đối với Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị Hồng S, Trần Minh X1 và Phạm Văn U là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn N1, là người cho bị cáo mượn xe mô tô biển kiểm soát 81N1-6905. Quá trình điều tra xác định ngày 23/8/2022, anh N1 cho bị cáo mượn xe mô tô nhưng không biết bị cáo đi đâu, làm gì. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý đối với Phạm Văn N1 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã thỏa thuận giải quyết xong, không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên nay không phải xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Thái H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh đen, số IMEI 1: 866314051851879, số IMEI 2: 866314051851861, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4, màu vàng, số IMEI 1: 358131095443835, số IMEI 2: 358132095443833, bị vỡ màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng. Đây là tài sản hợp pháp của anh H mà bị cáo đã chiếm đoạt, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại các tài sản trên cho anh H là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YaMaHa, loại xe sirius, màu trắng, biển kiểm soát 81N1-6905, số khung 309Y260808, số máy 5C63260814, đã qua sử dụng là xe của anh Phạm Văn N1. Khi cho bị cáo mượn xe mô tô, anh N1 không biết bị cáo điều khiển xe mô tô đi đâu, làm gì. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại xe mô tô nói trên cho anh N1 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: Xét gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/8/2022.
3. Về án phí: Xử buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/12/2022); bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Công an huyện Đ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ (01 bản);
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ THAHS- TA ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Đức

